

Bản án số: 153/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 25-12-2024

V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức;

2. Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 12 năm 2024 và ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLPT- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 437/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5558/2024/QĐPT - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16757/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18372/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Thanh D, sinh năm: 1971

Địa chỉ: số A đường T, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Ông D ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích Q, sinh năm 2001, địa chỉ liên lạc: Tòa nhà I, phòng C, số A đường V, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2024)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Lý H, sinh năm: 1971

Địa chỉ: số D ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1981

2. Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1985

3. Bà Nguyễn Đặng Mộng T1, sinh năm: 2001

4. Trẻ Nguyễn Văn T2, sinh năm: 2009

Địa chỉ: Địa chỉ: số D ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông A có mặt, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, ông Phan Thanh D - nguyên đơn trình bày:

Ông D và bà Huỳnh Thị Lý H sống chung với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn, sau đó Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà H.

Ông D cho rằng trong thời gian sống chung, ông và bà H có nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 501, tờ bản đồ số 58 (BĐDC) tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố H của ông Lê Văn T3 vào năm 2005 với giá chuyển nhượng khoảng 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, số tiền này ông D và bà H mượn của bà Lê Thị C (mẹ ruột ông D) 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, còn lại là tiền cá nhân ông D; việc chuyển nhượng đã hoàn tất, hiện bà H đang đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Khi thực hiện giao dịch nhận chuyển nhượng đất, ông D có tham gia cùng bà H, có tham gia giao tiền mua đất với bà H nhưng không trực tiếp giao nhận tiền với ông T3, không ký vào bất kỳ giấy tờ, hồ sơ nào liên quan đến việc nhận chuyển nhượng, không ký hợp đồng chuyển nhượng cũng như biên bản giao nhận tiền mà tất cả các thủ tục nhận chuyển nhượng, sau đó đăng ký, sang tên đều do bà H là người đứng tên và thực hiện.

Sau khi nhận chuyển nhượng, bà H làm đơn xin cất căn nhà tạm sau đó cả hai xây dựng công trình trên đất hết khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, số tiền này là tiền của ông D bỏ ra từ việc bán máy móc thiết bị của cá nhân ông D. Căn nhà do ông D và bà H xây dựng được cấp số nhà tạm là D18/11A ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà chưa được công nhận quyền sở hữu.

Nay ông D và bà H không còn là vợ chồng nên ông D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất nêu trên, cụ thể ông D yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) diện tích đất thuộc thửa số 501, tờ bản đồ số 58 (BĐDC) tọa lạc xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với tài sản trên đất và phần đất nằm ngoài Giấy chứng nhận ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Huỳnh Thị Lý H – bị đơn trình bày:*

Bà H và ông D sống chung như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung cả hai không có tài sản chung, nợ chung.

Năm 2005, bà H có nhận chuyển nhượng phần đất thuộc thửa 501, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố H của ông Lê Văn T3, tiền dùng để mua đất là do bà H vay mượn người thân, ông D không có đóng góp gì; việc chuyển nhượng đã hoàn tất, hiện bà H đang đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Bà H xác định phần đất thuộc thửa 501 là tài sản riêng của mình nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông D.

** Ông Nguyễn Văn A – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Khoảng tháng 8 năm 2017, ông A và bà Đặng Thị T (vợ ông A) có ký văn bản đặt cọc với nội dung nhận chuyển nhượng của bà H phần Quyền sử dụng đối với thửa đất số 501, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tọa lạc tại xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, trên đất có căn nhà số D ấp D xã T, huyện B; số tiền ông A đặt cọc cho bà H là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Sau khi ký văn bản nêu trên, bà H đã giao cho ông A và bà T quản lý, sử dụng phần nhà, đất nêu trên; đến nay ông và bà H vẫn chưa ký Hợp đồng chuyển nhượng, hiện gia đình ông gồm ông và vợ là bà Đặng Thị T cùng các con là Nguyễn Tấn T4, Nguyễn Đặng Mộng T1 đang thực tế cư trú tại nhà, đất nêu trên.

Ông A xác định ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông D trong vụ án này.

** Bà Đặng Thị T, bà Nguyễn Đặng Mộng T1 và trẻ Nguyễn Tấn T4 vắng mặt nên không có lời khai.*

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 437/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 691m² thuộc thửa 501, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2024 ông Phan Thanh D kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Phan Thanh D (do bà Nguyễn Thị Bích Q làm đại diện) không rút Đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm với các lý do:

. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền ông Phan Thanh D và bà Huỳnh Thị Lý H mượn của bà Lê Thị C (mẹ ruột ông D) để nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn T3 đồng thời chưa xem xét đến công sức đóng góp trên thực tế của ông D.

. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa các con của bà Lê Thị C vào tham gia tố tụng để xem xét số tiền bà C đã cho ông D và bà H mượn để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông T3.

- Bà Huỳnh Thị Lý H đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn A không có ý kiến và yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa ông D và bà H.

- Bà Đặng Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Đặng Mộng T1 đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

. Về thời hạn kháng cáo: Ngày 09/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và ban hành Bản án, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Thanh D có mặt; ngày 12/7/2024, ông D kháng cáo

Bản án sơ thẩm. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự thì kháng cáo còn trong thời hạn nên được chấp nhận về mặt hình thức.

. Về kháng cáo của nguyên đơn: Ông Phan Thanh D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Qua lời trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đồng thời xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh D trình bày số tiền dùng để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T3 là tiền vợ chồng mượn của mẹ ruột ông D là bà Lê Thị C 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, theo Giấy mượn tiền đề ngày 15/02/2004 có nội dung: “... chúng tôi tên Phan Thanh D và Huỳnh Thị Lý H, hôm nay có mượn tiền của mẹ tôi tên Lê Thị C, số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, giao ước khi nào mẹ tôi cần tiền trở lại thì trong vòng 03 tháng chúng tôi phải hoàn trả lại...”, bên dưới Giấy mượn tiền có chữ ký ghi tên của ông D và bà H.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có việc ông D và bà H mượn tiền của bà C để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông T3 hay không, bà H có ý kiến như thế nào đối với Giấy mượn tiền do ông D cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà C vào tham gia tố tụng để làm rõ bà C có ý kiến và yêu cầu gì đối với số tiền ông D và bà H đã vay hay không. Do bà C đã chết vào ngày 21/7/2021, tại phiên tòa phúc thẩm, ông D là một trong các đồng thừa kế của bà C đề nghị được tham gia tố tụng để yêu cầu xem xét số tiền bà C cho ông D và bà H mượn.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo 02 cấp xét xử đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 - hủy Bản án sơ thẩm để giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phan Thanh D phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Theo lời trình bày của ông Phan Thanh D và bà Huỳnh Thị Lý H thì ông D và bà H có sống chung với nhau từ khoảng năm 1996 – 1997 đến năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn; do có mâu thuẫn và có yêu cầu xem xét giải quyết việc ly hôn nên ngày 23/4/2013 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã ban hành Bản án số 34/2013/HNGĐ-ST với nội dung không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà H. Năm 2013, ông D cho rằng diện tích đất 691m²

thuộc thửa 501, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông D và bà H tạo lập trong thời gian ông D và bà H sống chung nên yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai).

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận ngày 12/11/2004 thì phần đất có diện tích 691m² thuộc thửa 501, tờ bản đồ số 58 (BĐĐC) tọa lạc tại xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Huỳnh Thị Lý H đứng tên nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T3. Ngày 28/01/2005, bà H được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AB702637; đến ngày 14/8/2012, phần đất nói trên được Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI657759.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Thanh D trình bày số tiền dùng để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T3 là tiền vợ chồng mượn của mẹ ruột ông D là bà Lê Thị C 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, đồng thời cung cấp Giấy mượn tiền đề ngày 15/02/2004 với nội dung như ông D đã trình bày, bên dưới Giấy mượn tiền có chữ ký ghi tên Phan Thanh D và Huỳnh Thị Lý H; tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có việc ông D và bà H mượn tiền của bà C để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông T3 hay không, bà H có ý kiến như thế nào đối với Giấy mượn tiền do ông D cung cấp, cũng chưa làm rõ chữ ký bên dưới có ghi tên Huỳnh Thị Lý H có phải là chữ ký và chữ viết của bà H hay không; bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà C vào tham gia tố tụng để làm rõ bà C có ý kiến và yêu cầu gì đối với số tiền ông D và bà H đã mượn hay không. Ngoài ra, do bà C đã chết vào ngày 21/7/2021 nên sau khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ kiện, ông D là một trong các đồng thừa kế của bà C đề nghị được tham gia tố tụng để yêu cầu xem xét số tiền bà C cho ông D và bà H mượn để nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của ông T3 - đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự theo 02 cấp xét xử nên cần hủy Bản án sơ thẩm để giao về giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm, đây cũng là đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Phan Thanh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 437/2024/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Danh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0005826 ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan